

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 11 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Mạnh

Bà Lương Thị Mai Dung

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Thạch Thị N, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Ấp Cơ 5B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Bùi Văn C; nơi cư trú: Thôn 11, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Thạch Thị N là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị và anh Bùi Văn C kết hôn trên cơ sở tình tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 03 tháng 03 năm 2016. Sau lễ cưới, chị N về chung sống cùng anh C và gia đình anh C tại thôn 11, xã L, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận và có 01 con chung, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng xảy ra xung đột, cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị Thạch Thị N đề nghị được ly hôn với anh Bùi

Văn C. Chị và anh C có 01 con chung tên Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2016. Khi ly hôn, chị N đề nghị để anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị và anh C không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện ở xa, đi lại khó khăn nên chị Thạch Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2022, bị đơn là anh Bùi Văn C trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị N. Về con chung, anh Bùi Văn C đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Bùi Thị Thanh T, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung nên anh Bùi Văn C không đề nghị Tòa án giải quyết. Do làm công nhân, không xin nghỉ phép được nên anh C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và thông báo kết quả cho anh được biết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Thạch Thị N được ly hôn anh Bùi Văn C; đề nghị giao con chung tên Bùi Thị Thanh T cho anh Bùi Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng**

Nguyên đơn là chị Thạch Thị N, bị đơn là anh Bùi Văn C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2] Về yêu cầu của chị Thạch Thị N ly hôn với anh Bùi Văn C**

Chị Thạch Thị N và anh Bùi Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Bùi Văn C. Bị đơn thống nhất quan điểm đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị N do xác định mâu thuẫn vợ chồng là có tồn tại, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Giữa vợ và chồng không còn sự yêu thương, quan tâm và chia sẻ cùng nhau. Từ những căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được và đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xin ly hôn anh C.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị Thạch Thị N và anh Bùi Văn C có 01 con chung tên Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2016. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định về việc người trực tiếp nuôi con khi vợ chồng ly hôn như sau: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung ở cùng với anh C, được chăm sóc, học tập đầy đủ và phát triển bình thường. Việc ăn ở, học tập của con chung đều đã ổn định. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Bùi Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và quy định của pháp luật, điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự, Hội đồng xét xử xét giao cho anh Bùi Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thị Thanh T là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Thạch Thị N và anh Bùi Văn C đều không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, chị Thạch Thị N và anh Bùi Văn C thống nhất khai không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Thạch Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn C

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2016 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Thạch Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0008112 ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Thạch Thị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị N, anh Bùi Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Liên Khê, H. Thủy Nguyên;  
(giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 03/3/2016)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huân**